



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO
DỤC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Báo cáo tài chính hợp nhất
giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

M.S.D.

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29/05/2020.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/12/2006 với mã chứng khoán là EBS.

Vốn điều lệ: 102.194.840.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2021: 102.194.840.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 26%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiên, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 0243.7925308
Fax: (84) 0243.7925309
- Website: www.sachgiaoduchanoi.vn

Công ty con: Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiên, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện, Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí, Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 62,93%;
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 62,93%.

Công ty liên kết: Công ty CP Phát hành sách Giáo Dục

- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiên, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách;
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 21,82%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 21,82%.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 30/06/2021 là 38 người, trong đó, cán bộ quản lý là 12 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Ngô Anh Phương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17/04/2020
• Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Bà Ngô Phương Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Ông Tô Thanh Bình	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 17/04/2020
• Ông Trần Văn Quế	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Bà Lý Thúy Lan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17/04/2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/09/2019
• Ông Ngô Trọng Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
• Bà Đặng Thị Như	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
• Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 30/06/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 862/2021/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ lập ngày 06/08/2021 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

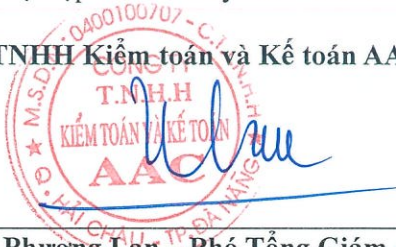
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2021

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

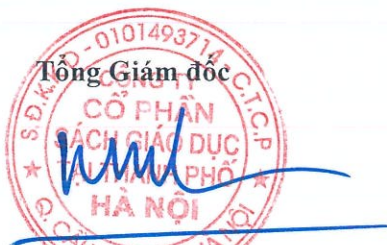
Mẫu số B 01-DN/HN
 Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		146.323.247.292	132.361.355.540
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.505.136.547	7.320.281.263
1. Tiền	111	5	2.505.136.547	7.320.281.263
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6.a	862.911.842	1.104.094.042
1. Chứng khoán kinh doanh	121		862.911.842	1.104.094.042
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		130.302.522.324	108.442.035.002
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	64.169.695.858	38.825.283.283
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	301.129.852	1.258.917.110
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	39.220.000.000	42.220.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	33.590.500.466	33.355.219.860
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(6.978.803.852)	(7.217.385.251)
IV. Hàng tồn kho	140	12	12.652.676.579	15.350.587.463
1. Hàng tồn kho	141		17.729.003.207	19.370.823.352
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.076.326.628)	(4.020.235.889)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	144.357.770
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	-	143.823.796
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	533.974
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.649.308.460	25.264.252.292
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.054.906.812	3.920.238.518
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	4.054.906.812	3.920.238.518
II. Tài sản cố định	220		855.667.515	1.261.295.081
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	855.667.515	1.261.295.081
- Nguyên giá	222		6.365.965.300	6.365.965.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.510.297.785)	(5.104.670.219)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	-	-
- Nguyên giá	228		63.000.000	63.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(63.000.000)	(63.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.985.722.768	9.955.780.652
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.b	7.269.772.768	7.376.930.652
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.c	2.750.000.000	2.750.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6.c	(34.050.000)	(171.150.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.753.011.365	10.126.938.041
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	9.753.011.365	10.126.938.041
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		170.972.555.752	157.625.607.832

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
C. Nợ phải trả	300		36.348.901.332	19.299.862.985
I. Nợ ngắn hạn	310		36.226.255.803	19.238.583.738
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	13.672.778.923	9.221.036.238
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		657.846.102	154.593.802
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	17	1.168.310.978	1.005.936.048
4. Phải trả người lao động	314		5.945.185.646	3.487.813.279
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	6.690.464.894	1.661.896.828
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	93.583.065	479.069.656
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	7.739.457.224	3.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		258.628.971	228.237.887
II. Nợ dài hạn	330		122.645.529	61.279.247
1. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	46.000.000	46.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	76.645.529	15.279.247
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		134.623.654.420	138.325.744.847
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	134.623.654.420	138.325.744.847
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		102.194.840.000	102.194.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	669.277.482	669.277.482
3. Cổ phiếu quỹ	415	22	(2.116.606.556)	(2.116.606.556)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	13.959.679.170	13.903.512.418
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	12.722.046.275	16.293.589.791
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.152.622.333	8.247.279.314
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.569.423.942	8.046.310.477
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	22	7.194.418.049	7.381.131.712
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		170.972.555.752	157.625.607.832



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Linh Trang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
 KINH DOANH HỢP NHẤT**
 Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Mẫu số B 02-DN/HN
 Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	75.238.797.444	59.843.237.394
2. Các khoản giảm trừ	02		26.125.680	71.175.170
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		75.212.671.764	59.772.062.224
4. Giá vốn hàng bán	11	24	61.344.834.910	49.609.793.924
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		13.867.836.854	10.162.268.300
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.571.642.352	4.919.576.560
7. Chi phí tài chính	22	26	18.141.665	872.984.989
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		153.762.797	133.810.850
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh	24		(107.157.884)	-
9. Chi phí bán hàng	25	27.a	7.133.586.663	5.147.159.234
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	3.652.266.702	5.426.492.312
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.528.326.292	3.635.208.325
12. Thu nhập khác	31		20.000.000	285.960
13. Chi phí khác	32		16.300	1.175
14. Lợi nhuận khác	40		19.983.700	284.785
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.548.309.992	3.635.493.110
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.104.233.431	509.104.767
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		61.366.282	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.382.710.279	3.126.388.343
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		4.569.423.942	3.126.388.343
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(186.713.663)	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	459	309
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	459	309



Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Linh Trang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

Mẫu số B 03-DN/HN
 Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.548.309.992	3.635.493.110
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	14,15	405.627.566	464.567.889
- Các khoản dự phòng	03		680.409.340	7.464.286.542
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.297.666.168)	(1.619.662.131)
- Chi phí lãi vay	06	26	153.762.797	133.810.850
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		4.490.443.527	10.078.496.260
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.286.859.308)	(18.513.350.325)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.641.820.145	4.736.735.819
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.664.642.765	19.043.158.671
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		517.750.472	(90.299.711)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		241.182.200	(17.855.096.450)
- Tiền lãi vay đã trả	14	26,19a	(201.228.550)	(133.810.850)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(507.762.686)	(250.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	10.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(81.942.422)	(139.340.555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.521.953.857)	(3.113.507.141)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(67.800.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(12.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	21.900.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25,10a	1.935.643.117	1.410.125.146
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.935.643.117	11.242.325.146

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021 VND	6 tháng đầu năm 2020 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	7.739.457.224	18.958.169.026
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(3.000.000.000)	(18.958.169.026)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19a,22	(7.968.291.200)	(9.965.474.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.228.833.976)	(9.965.474.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ				
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	50		(4.815.144.716)	(1.836.655.995)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	5	7.320.281.263	11.152.860.020
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	5	2.505.136.547	9.316.204.025

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thanh Tùng
Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Linh Trang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/05/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101493714) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29/05/2020.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con được hợp nhất: Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ điện); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ điện năng lượng mặt trời); Sản xuất điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 62,93%;
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 62,93%.

Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109314156 ngày 18/08/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

- Tên Công ty: Công ty CP Phát hành sách Giáo Dục;
- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà D tầng 2, khu VP Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách;
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 21,82%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 21,82%.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Riêng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 (bắt đầu từ 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty được phân bổ vào chi phí như sau:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Chi phí bản thảo phân bổ dài hạn trong khoảng thời gian có hiệu lực của hợp đồng căn cứ vào số lượng thực tế in và tỷ lệ thầu quy định.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phân vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ phản ánh khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 *Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác*

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với lịch block và các tấm pin năng lượng; 5% đối với các loại từ điển và sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2021	01/01/2021
Tiền mặt	217.337.624	12.211.283
Tiền gửi ngân hàng	2.287.798.923	7.308.069.980
Cộng	2.505.136.547	7.320.281.263

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. Các khoản đầu tư

a. Chứng khoán kinh doanh

STT	30/06/2021			01/01/2021				
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
A	Cổ phiếu niêm yết (i)							
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	685.477	1.748.000	-	40	685.477	1.564.000	-
	Công ty CP Than Cao Sơn-TKV	862.226.365	1.131.330.200	-	128.100	1.103.408.565	-	-
	Cộng	862.911.842	1.133.078.200	-	128.140	1.104.094.042	-	-

b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2021		01/01/2021	
	Tỷ lệ vốn	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty CP Phát hành sách giáo dục	21,82%	7.269.772.768		7.376.930.652
Cộng		7.269.772.768		7.376.930.652

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2021		01/01/2021				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn Cổ phiếu	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
- Công ty CP DV XB Giáo dục Hà Nội	Đang hoạt động	3,00%	75.000	750.000.000	34.050.000	750.000.000	171.150.000
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam (i)	Đang hoạt động	1,84%	200.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Cộng				2.750.000.000	34.050.000	2.750.000.000	171.150.000

(i) Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty này có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư này được ghi bằng giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021	01/01/2021
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Giáo dục	26.734.157.377	15.499.167.950
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	2.544.888.080	2.456.560.360
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	6.681.130.120	6.681.130.120
Công ty CP Xây dựng Công trình Hồng Lâm	2.057.455.981	3.557.455.981
Công ty CP Đại Dương Solar	6.856.360.780	1.585.897.500
Các đối tượng khác	19.295.703.520	9.045.071.372
Cộng	64.169.695.858	38.825.283.283

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2021	01/01/2021
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh	2.544.888.080	2.456.560.360
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	4.633.864.540	-
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	276.853.330	276.853.330
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư	1.673.371.284	623.576.354
Công ty CP Đầu tư và phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	1.112.733.500	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	155.409.210	-
Công ty CP Sách & TBTH Hà Tây	Chung công ty đầu tư	1.212.377.870	896.351.090
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh	-	866.554.185
Công ty CP Phát hành Sách Giáo Dục	Công ty liên kết	26.734.157.377	15.499.167.950
Công ty CP Đại Dương Solar	Công ty có liên quan của Công ty con	6.856.360.780	1.585.897.500
Cộng		45.200.015.971	22.204.960.769

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	-	1.035.697.110
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	100.000.000	100.000.000
Các đối tượng khác	201.129.852	123.220.000
Cộng	301.129.852	1.258.917.110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Trong đó: Trả trước cho người bán là bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2021	01/01/2021
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư	-	1.035.697.110
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	100.000.000	100.000.000
Cộng		100.000.000	1.135.697.110

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Công ty CP Đại Dương Solar (bên liên quan)	37.220.000.000	40.220.000.000
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam (bên liên quan)	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	39.220.000.000	42.220.000.000

Tại ngày 30/06/2021, Công ty con là Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam cho các bên liên quan vay, cụ thể như sau:

- Cho Công ty CP Đại Dương Solar vay theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay	Ngày	Thời hạn	Lãi suất	Số tiền cho vay
Số 01-DD-ESE/2020/HĐVV	16/10/20	6 tháng	9,5%/năm	8.000.000.000
Số 02-DD-ESE/2020/HĐVV	22/10/20	6 tháng	9,5%/năm	2.500.000.000
Số 03-DD-ESE/2020/HĐVV	04/11/20	6 tháng	9,5%/năm	5.000.000.000
Số 04-DD-ESE/2020/HĐVV	16/11/20	6 tháng	9,5%/năm	2.000.000.000
Số 05-DD-ESE/2020/HĐVV	16/11/20	6 tháng	9,5%/năm	5.000.000.000
Số 06-DD-ESE/2020/HĐVV	20/11/20	6 tháng	9,5%/năm	5.800.000.000
Số 07-DD-ESE/2020/HĐVV	25/11/20	6 tháng	9,5%/năm	920.000.000
Số 08-DD-ESE/2020/HĐVV	26/11/20	6 tháng	9,5%/năm	1.000.000.000
Số 09-DD-ESE/2020/HĐVV	08/12/20	6 tháng	9,5%/năm	3.000.000.000
Số 10-DD-ESE/2020/HĐVV	16/12/20	6 tháng	9,5%/năm	1.000.000.000
Số 11-DD-ESE/2020/HĐVV	17/12/20	6 tháng	9,5%/năm	1.000.000.000
Số 13-DD-ESE/2020/HĐVV	25/12/20	6 tháng	9,5%/năm	2.000.000.000
Cộng				37.220.000.000

Các hợp đồng cho vay này được đảm bảo bằng thế chấp bằng tài sản hình thành từ đầu tư nhà máy điện mặt trời của Công ty CP Đại Dương Solar tại Ấp 7, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau và nhà máy điện mặt trời tại Thị trấn Gành Hào, Huyện Đông Hải, Tỉnh Bạc Liêu.

- Cho Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam vay theo hợp đồng vay vốn số 12-PN-ESE/2020/HĐVV ngày 21/12/2020: Số tiền cho vay theo hợp đồng là 2.000.000.000 đồng. Thời hạn cho

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

vay là 6 tháng kể từ ngày 21/12/2020 đến ngày 21/06/2021. Lãi suất cho vay là 9,5%. Hợp đồng cho vay này được đảm bảo bằng thế chấp bằng tài sản hình thành từ đầu tư nhà máy điện mặt trời của Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam tại Ấp Tham Troi, Huyện Trần Văn Thời, Tỉnh Cà Mau.

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	1.100.121.483	-	630.940.548	-
Tạm ứng	2.200.000.000	-	2.110.000.000	-
Phải thu Nhà xuất bản GD Việt Nam	-	-	200.000.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	39.549.983	-	46.549.983	-
Bà Nguyễn Thị Hòa (*)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	250.829.000	-	367.729.329	-
Cộng	33.590.500.466	-	33.355.219.860	-

(*) Là khoản tiền mà Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam phải thu Bà Nguyễn Thị Hòa theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, như sau:

- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 15/12/2020 về việc chuyển nhượng 500.000 cổ phần tại Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam với giá 5.000.000.000 đồng.
- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 15/12/2020 về việc chuyển nhượng 500.000 cổ phần tại Công ty CP Năng lượng EBS Solar Khánh An với giá 5.000.000.000 đồng.
- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 15/12/2020 về việc chuyển nhượng 2.000.000 cổ phần tại Công ty CP Đại Dương Solar với giá 20.000.000.000 đồng.

b. Dài hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại TP. Hà Nội (*)	4.054.906.812	-	3.920.238.518	-
Cộng	4.054.906.812	-	3.920.238.518	-

- (*) Góp vốn với Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và một số công ty khác thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010, Phụ lục số 01/2013/PLHĐGV ngày 01/11/2013, Phụ lục 01/2014/PLHĐGV ngày 01/07/2014, trong đó: Phần vốn góp của Công ty chiếm tỷ lệ 25%. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí dự án. Đến thời điểm hiện tại, dự án chưa đi vào hoạt động, các bên thống nhất tìm đối tượng để chuyển nhượng dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2021	01/01/2021
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn thanh toán:	6.978.803.852	7.217.385.251
- Từ 3 năm trở lên	1.516.366.382	1.217.001.612
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	4.779.847.660	5.013.700.559
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	682.589.810	986.683.080
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-
Cộng	6.978.803.852	7.217.385.251

Trong đó: Nợ xấu

	31/12/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn
Phải thu khách hàng	1.516.366.382	-	
- DNTN Sách và VPP cuộc sống mới	751.214.823	-	Trên 3 năm
- Vụ Mầm non	125.697.600	-	Trên 3 năm
- Các đối tượng khác	639.453.959	-	Trên 3 năm
Cộng	1.516.366.382	-	

Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi là giá trị còn lại sau khi trừ giá gốc của khoản phải thu với mức dự phòng trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

12. Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.954.115.063	131.806.379	698.571.897	131.806.379
Chi phí SX, KD dở dang	5.905.236.683	-	9.932.199.369	-
Thành phẩm	8.222.414.346	4.766.732.711	7.642.310.631	3.725.464.724
Hàng hóa	1.647.237.115	177.787.538	1.097.741.455	162.964.786
Cộng	17.729.003.207	5.076.326.628	19.370.823.352	4.020.235.889

Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 30/06/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Phí bản thảo chế bản	-	143.823.796
Cộng	-	143.823.796

b. Dài hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Chi phí thuê kho tại khu CN Nam Thăng Long	528.409.092	732.954.546
Thuê dài hạn VP lô số D-2.1 dự án	9.206.371.889	9.332.199.295
Các khoản khác	18.230.384	61.784.200
Cộng	9.753.011.365	10.126.938.041

(*) Thuê dài hạn văn phòng theo Hợp đồng số 000997/2014/HĐTVP/VC1 ngày 17/09/2014 giữa Công ty và Công ty CP Xây dựng số 1 (Vinaconex 1). Thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15/10/2014. Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thuê với tổng số tiền đã thanh toán là 11.962.650.000 đồng (bao gồm 10% thuế GTGT) vào năm 2014.

14. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	187.869.455	3.853.170.717	2.324.925.128	6.365.965.300
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối kỳ	187.869.455	3.853.170.717	2.324.925.128	6.365.965.300
Khấu hao				
Số đầu kỳ	103.747.691	3.046.901.406	1.954.021.122	5.104.670.219
Khấu hao trong kỳ	18.786.942	247.879.544	138.961.080	405.627.566
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối kỳ	122.534.633	3.294.780.950	2.092.982.202	5.510.297.785
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	84.121.764	806.269.311	370.904.006	1.261.295.081
Số cuối kỳ	65.334.822	558.389.767	231.942.926	855.667.515

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 942.546.815 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Không có TSCĐ hữu hình nào hiện đang cầm cố để đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2021.

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	63.000.000	63.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	63.000.000	63.000.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	63.000.000	63.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	63.000.000	63.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 63.000.000 đồng.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	3.672.526.417	3.342.965.217
Công Ty TNHH MTV In Quân đội 1	1.436.865.313	412.193.748
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	1.618.044.400	-
Các đối tượng khác	6.945.342.793	5.465.877.273
Cộng	13.672.778.923	9.221.036.238

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư	500.000	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc	1.618.044.400	-
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Công ty đầu tư	3.672.526.417	3.342.965.217
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	-	779.528.400
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	-	28.940.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	-	126.897.250
Cộng		5.291.070.817	4.278.330.867

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	25.757.366	72.980.894	65.431.790	-	33.306.470
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	507.762.686	1.104.233.431	507.762.686	-	1.104.233.431
Thuế thu nhập cá nhân	-	472.415.996	389.460.309	831.105.228	-	30.771.077
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Cộng	-	1.005.936.048	1.572.674.634	1.410.299.704	-	1.168.310.978

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Trích trước hoa hồng môi giới	1.413.628.140	1.642.135.908
Trích trước phí bản thảo chế bản	2.602.542.554	-
Trích trước nhuận bút và quyền tác giả	2.674.294.200	-
Các khoản trích trước khác	-	19.760.920
Cộng	6.690.464.894	1.661.896.828

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	63.582.815	75.235.987
Cổ tức phải trả	28.988.690	24.812.690
Lãi vay phải trả	-	47.465.753
Phải trả khác	1.011.560	331.555.226
Cộng	93.583.065	479.069.656

b. Dài hạn

	30/06/2021	01/01/2021
Tiền ký cược của các Nhà sách	46.000.000	46.000.000
Cộng	46.000.000	46.000.000

20. Vay và thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	3.000.000.000	7.739.457.224	3.000.000.000	7.739.457.224
- Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục (bên liên quan)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	-	7.739.457.224	-	7.739.457.224
Cộng	3.000.000.000	7.739.457.224	3.000.000.000	7.739.457.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2021	01/01/2021
Thuế suất sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	76.645.529	15.279.247
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	76.645.529	15.279.247

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát
Số dư tại 01/01/2020	102.194.840.000	669.277.482	2.116.606.556	13.796.544.605	18.533.766.755	-
Tăng trong năm	-	-	-	106.967.813	-	7.415.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	8.046.310.477	-
Lỗ trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(33.868.288)
Giảm trong năm	-	-	-	-	10.286.487.441	-
Số dư tại 31/12/2020	102.194.840.000	669.277.482	2.116.606.556	13.903.512.418	16.293.589.791	7.381.131.712
Số dư tại 01/01/2021	102.194.840.000	669.277.482	2.116.606.556	13.903.512.418	16.293.589.791	7.381.131.712
Tăng trong kỳ	-	-	-	56.166.752	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	4.569.423.942	-
Lỗ trong kỳ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(186.713.663)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	8.140.967.458	-
Số dư tại 30/06/2021	102.194.840.000	669.277.482	2.116.606.556	13.959.679.170	12.722.046.275	7.194.418.049

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	25.911.000.000	25.911.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	73.744.840.000	73.744.840.000
Cổ phiếu quỹ	2.539.000.000	2.539.000.000
Cộng	102.194.840.000	102.194.840.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu phổ thông	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	253.900	253.900
- Cổ phiếu phổ thông	253.900	253.900
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu phổ thông	9.965.584	9.965.584
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	16.293.589.791	18.533.766.755
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.569.423.942	8.046.310.477
Phân phối lợi nhuận	8.140.967.458	10.286.487.441
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	8.140.967.458	10.286.487.441
- Trích quỹ đầu tư phát triển	56.166.752	106.967.813
- Chia cổ tức	7.972.467.200	9.965.584.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	112.333.506	213.935.628
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	12.722.046.275	16.293.589.791

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/SGDHN ngày 26/04/2021.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2021 đã thông qua tỷ lệ cổ tức năm 2020 là 8%. Công ty đã chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Doanh thu sách tham khảo	59.528.069.859	59.843.237.394
Doanh thu thiết bị giáo dục	455.080.812	-
Doanh thu vật tư	2.891.361.973	-
Doanh thu cho thuê xe	27.500.000	-
Doanh thu bán pin và máy biến áp	12.336.784.800	-
Cộng	75.238.797.444	59.843.237.394

24. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Giá vốn sách tham khảo	44.970.880.874	45.281.801.202
Giá vốn thiết bị giáo dục	403.520.941	-
Giá vốn vật tư	2.979.338.652	-
Giá vốn cho thuê xe	19.166.664	-
Giá vốn bán pin và máy biến áp	11.915.837.040	-
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.056.090.739	4.327.992.722
Cộng	61.344.834.910	49.609.793.924

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.973.024.052	1.513.997.131
Cổ tức, lợi nhuận được chia	431.800.000	105.665.000
Lãi do mua bán chứng khoán	166.818.300	3.299.914.429
Cộng	2.571.642.352	4.919.576.560

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí lãi vay	153.762.797	133.810.850
Lỗ do mua bán chứng khoán	-	184.189.750
Chi phí mua bán chứng khoán	1.478.868	36.844.824
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	300.639.565
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	(137.100.000)	217.500.000
Cộng	18.141.665	872.984.989

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nhân viên bán hàng	4.759.966.132	3.527.225.837
Chi phí vận chuyển sách, bốc xếp	220.005.581	144.999.448
Chi phí thuê kho	204.545.454	248.181.818
Chi phí khác	1.949.069.496	1.226.752.131
Cộng	7.133.586.663	5.147.159.234

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nhân viên quản lý	2.518.326.760	1.250.701.592
Khấu hao TSCĐ	255.572.396	322.369.838
Chi phí khác	1.116.948.945	1.235.266.627
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(238.581.399)	2.618.154.255
Cộng	3.652.266.702	5.426.492.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.548.309.992	3.635.493.110
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(27.142.836)	969.508
Điều chỉnh tăng	614.267.010	106.634.508
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	100.720.000	106.634.508
+ Tiền phạt thuế, tiền phạt vi phạm hành chính	-	-
+ Lỗ tại Công ty con	503.610.690	-
+ Lỗ nội bộ đã thực hiện	9.936.320	-
Điều chỉnh giảm	641.409.846	105.665.000
+ Lãi/lỗ đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(107.157.884)	-
+ Cổ tức được nhận	431.800.000	105.665.000
+ Hoàn nhập dự phòng đã trích lập	316.767.730	-
Tổng thu nhập chịu thuế	5.521.167.156	3.636.462.618
Chuyển lỗ tại Công ty con	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	5.521.167.156	3.636.462.618
Thuế TNDN phải nộp	1.104.233.431	727.292.524
Thuế TNDN được giảm theo NĐ 114/2020/NĐ-CP	-	218.187.757
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.104.233.431	509.104.767

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	4.569.423.942	3.126.388.343
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(43.431.383)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	43.431.383
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.569.423.942	3.082.956.960
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.965.584	9.965.584
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	459	309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.024.232.706	15.178.038.617
Chi phí nhân công	7.278.292.892	4.777.927.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	405.627.566	464.567.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.554.142.406	20.361.731.083
Chi phí khác bằng tiền	2.712.208.444	2.462.018.758
Cộng	49.974.504.014	43.244.283.776

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong hai lĩnh vực kinh doanh chính là kinh doanh các sản phẩm giáo dục và kinh doanh pin năng lượng mặt trời, máy biến áp với một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI TP HÀ NỘI

Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến

P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực KD	Hoạt động kinh doanh các sản phẩm giáo dục		Hoạt động kinh doanh pin năng lượng mặt trời, máy biến áp		Loại trừ		Tổng cộng	
	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Doanh thu bộ phận	62.848.386.964	59.772.062.224	12.364.284.800	-	-	-	75.212.671.764	59.772.062.224
Chi phí bộ phận	59.843.328.303	60.183.445.470	12.277.423.655	-	9.936.320	-	72.130.688.275	60.183.445.470
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	3.005.058.664	(411.383.246)	86.861.145	-	(9.936.320)	-	3.081.983.489	(411.383.246)
Chi phí tài chính	292.375.143	872.984.989	2.559.994.519	-	(2.834.228.002)	-	18.141.665	872.984.989
Doanh thu tài chính	3.119.579.940	4.919.576.560	1.969.522.684	-	(2.517.460.272)	-	2.571.642.352	4.919.576.560
Lãi/(lỗ) từ hoạt động tài chính	2.827.204.792	4.046.591.571	(590.471.835)	-	316.767.730	-	2.553.500.687	4.046.591.571
Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	-	(107.157.884)	-
Thu nhập khác	20.000.000	285.960	-	-	-	-	20.000.000	285.960
Chi phí khác	16.300	1.175	-	-	-	-	16.300	1.175
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	19.983.700	284.785	-	-	-	-	19.983.700	284.785
Lợi nhuận trước thuế	5.852.247.156	3.635.493.110	(503.610.690)	-	-	-	5.548.309.992	3.635.493.110
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.104.233.431	509.104.767	-	-	-	-	1.104.233.431	509.104.767
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	61.366.282	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.748.013.725	3.126.388.343	(503.610.690)	-	-	-	4.382.710.279	3.126.388.343
Tài sản ngắn hạn	127.112.073.174	109.611.712.953	81.417.654.937	80.326.046.696	(62.206.480.819)	(57.576.404.109)	146.323.247.292	132.361.355.540
Tài sản dài hạn	31.776.863.599	32.572.314.293	204.444.448	223.611.112	(7.331.999.587)	(7.531.673.113)	24.649.308.460	25.264.252.292
Tổng tài sản	158.888.936.773	142.184.027.246	81.622.099.385	80.549.657.808	(69.538.480.406)	(65.108.077.222)	170.972.555.752	157.625.607.832
Nợ ngắn hạn	36.215.675.803	16.173.979.295	62.217.060.819	60.641.008.552	(62.206.480.819)	(57.576.404.109)	36.226.255.803	19.238.583.738
Nợ dài hạn	46.000.000	46.000.000	-	-	76.645.529	15.279.247	122.645.529	61.279.247
Tổng nợ	36.261.675.803	16.219.979.295	62.217.060.819	60.641.008.552	66.641.008.552	66.641.008.552	36.348.901.332	19.299.862.985
Khấu hao	376.524.582	464.567.889	19.166.664	-	9.936.320	-	405.627.566	464.567.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, ít phát sinh các khoản vay; hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động giá và lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Ngoài ra Công ty còn bán lẻ thu tiền ngay cho các khách lẻ thông qua cửa hàng. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	13.672.778.923	-	13.672.778.923
Chi phí phải trả	6.690.464.894	-	6.690.464.894
Vay và nợ thuê tài chính	7.739.457.224	-	7.739.457.224
Phải trả khác	30.000.250	46.000.000	76.000.250
Cộng	28.132.701.291	46.000.000	28.178.701.291

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.221.036.238	-	9.221.036.238
Chi phí phải trả	1.661.896.828	-	1.661.896.828
Vay và nợ thuê tài chính	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Phải trả khác	403.833.669	46.000.000	449.833.669
Cộng	14.286.766.735	46.000.000	14.332.766.735

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.505.136.547	-	2.505.136.547
Đầu tư tài chính	862.911.842	2.715.950.000	3.578.861.842
Phải thu khách hàng	57.190.892.006	-	57.190.892.006
Phải thu về cho vay	39.220.000.000	-	39.220.000.000
Phải thu khác	31.390.500.466	4.054.906.812	35.445.407.278
Cộng	131.169.440.861	6.770.856.812	137.940.297.673

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.320.281.263	-	7.320.281.263
Đầu tư tài chính	1.104.094.042	2.578.850.000	3.682.944.042
Phải thu khách hàng	31.607.898.032	-	31.607.898.032
Phải thu về cho vay	42.220.000.000	-	42.220.000.000
Phải thu khác	31.245.219.860	3.920.238.518	35.165.458.378
Cộng	113.497.493.197	6.499.088.518	119.996.581.715

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại Học - Dạy Nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBTH Hà Tây	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư CMC	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam	Cùng Chủ tịch HĐQT là Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty CP Đại Dương Solar	Công ty có liên quan của Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Phí đăng ký xuất bản	500.000	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Quản lý xuất bản	3.351.741.510	1.532.989.823
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Tổ chức bản thảo	1.018.345.600	2.045.073.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	3.924.957.220	3.857.547.760
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua sách tham khảo	182.342.000	344.547.860
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	198.725.000	1.045.399.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Mua sách tham khảo	59.730.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách tham khảo	54.960.600	716.652.700
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Tổ chức bản thảo	9.833.364.000	6.531.380.000
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Cung ứng sách		-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng sách	388.784.400	60.325.260
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng sách	8.838.350.160	3.998.842.640
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	1.270.669.720	2.420.028.180
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	1.311.458.500	-
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách		-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cung ứng sách	1.770.244.930	1.660.580.953
Công ty CP Sách & TBTH Hà Tây	Cung ứng sách		944.185.910
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Cung ứng sách	36.312.896.690	44.262.848.310
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cung ứng sách	269.476.710	
Giao dịch khác			
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Trả nợ vay	3.000.000.000	-
Công ty CP Đại Dương Solar	Thu tiền cho vay	3.000.000.000	-
	Lãi cho vay	1.871.471.346	-
Công ty CP Năng lượng EBS Solar Phương Nam	Lãi cho vay	97.709.589	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Các giao dịch khác

Bên liên quan	Chức danh	Thu nhập, thù lao	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	21.000.000	21.000.000
		Lương, thưởng	83.421.198	373.979.783
Ông Ngô Anh Phương	Phó chủ tịch HĐQT	Thù lao	16.800.000	16.800.000
Bà Ngô Phương Anh	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	2.500.000
	Tổng giám đốc	Lương, thưởng	427.060.766	305.925.283
Ông Phạm Quỳnh	Ủy viên HĐQT	Thù lao	-	10.000.000
Ông Tô Thanh Bình	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000
Bà Ngô Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	Thù lao	15.000.000	15.000.000

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải giải trình hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Nguyễn Thanh Tùng

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Linh Trang